TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN – KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC- TKV

==========

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

NHÀ MÁY XI MĂNG LA HIÊN – VVMI

(Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV)

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban đấu giá bán cổ phần Nhà máy Xi măng La Hiên-VVMI khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 02 – Phan Chu Trinh – Quận Hoàn Kiếm – Hà nội
Điện thoại: (84.4) 9360750 Fax: (84.4) 9347818

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 59 – Quang Trung – Quận Hai Bà Trưng – Hà nội
Điện thoại: (84.4) 9445888 Fax: (84.4) 9446476/9445889

Hà Nội, tháng 10/2007

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

Tổ chức phát hành	:	Nhà máy Xi măng La Hiên- VVMI (đơn vị trực thuộc Công ty TNHH 1 thành viên Công nghiệp Mỏ Việt Bắc – TKV)
Tên viết tắt	:	Nhà máy Xi măng La Hiên - VVMI
Vốn điều lệ	**:**	100.000.000.000 đồng *(một trăm tỷ đồng)*
Loại cổ phần chào bán	**:**	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá một cổ phần	**:**	10.000 đồng
Số lượng cổ phần bán đấu giá *Trong đó: Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được phép mua tối đa*	**:** **:**	3.912.300 cổ phần (chiếm 39,123% vốn điều lệ) *3.000.000 cổ phần (chiếm 30% vốn điều lệ)*
Giá khởi điểm	**:**	11.000 đồng/một cổ phần
Hình thức phát hành	**:**	Bán cổ phần lần đầu ra bên ngoài để cổ phần hóa
Giới hạn số lượng cổ phần	**:**	Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và khối lượng đặt mua tương ứng là bội số của 100, tối đa bằng tổng số lượng chào bán qua đấu giá
Bước giá	**:**	100 đồng
Mức giá	**:**	Mỗi nhà đầu tư được đăng ký hai (02) mức giá, tổng khối lượng đặt mua của các mức giá đúng bằng số cổ phần đã đăng ký và đặt cọc
Địa điểm tổ chức bán đấu giá	**:**	Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội
Thủ tục, thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, nộp phiếu tham dự đấu giá, tổ chức đấu giá, trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư không trúng đấu giá, thanh toán tiền mua cổ phần theo kết quả đấu giá được hướng dẫn cụ thể trong bản "Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI" (đính kèm)		

MỤC LỤC

NỘI DUNG **5**
I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH **5**
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN **5**
1. Tổ chức phát hành 5
2. Tổ chức tư vấn 6
III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH **6**
1. Tổ chức phát hành 6
2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá 6
3. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần 6
IV. CÁC TỪ VIẾT TẮT **6**
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH **7**
1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành 7
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 8
3. Cơ cấu tổ chức, quản lý 8
5. Giá trị doanh nghiệp và một số vấn đề liên quan đến tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2006) 11
5.1. Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để CPH 11
5.2. Giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để CPH 11
5.3. Các vấn đề khác liên quan đến tài chính cần xem xét, giải quyết tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để CPH 12
6. Tình hình sử dụng nhà xưởng, đất đai 12
VI. TÌNH HÌNH KINH DOANH TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA **12**
1. Thuận lợi 12
2. Khó khăn 14
3. Tình hình hoạt động kinh doanh từ năm 2004 đến quý II/2007 14
3.1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm 14
3.2. Tình hình tài chính từ 2004 – quý II/2007 15
3.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và một số chỉ tiêu tài chính từ năm 2004 – quý II/2007 17
VII. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA **19**
1. Tên công ty và trụ sở giao dịch 19
2. Tư cách pháp nhân của công ty 19
3. Ngành nghề kinh doanh 19
4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ 19
5. Tổ chức bộ máy quản lý công ty cổ phần 20

5.1 Đại hội đồng cổ đông 22
5.2 Hội Đồng Quản Trị 22
5.3 Ban Kiểm soát 22
5.4 Ban Điều hành 22
6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2008-2010 22
6.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty 22
6.2. Phương hướng sản xuất kinh doanh 25
6.3. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2008-2010 25
6.4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu giai đoạn 2008-2010 25
7. Biện pháp tổ chức thực hiện 26
7.1. Về công tác quản lý và tổ chức kinh doanh 26
7.2. Về chính sách nhân lực 26
7.3. Về các dự án đầu tư nâng cao khả năng cung cấp nguyên vật liệu và mở rộng công suất nhà máy 27
7.4. Về việc huy động vốn cho sản xuất kinh doanh 29
8. Rủi ro của đợt phát hành 29
8.1. Rủi ro kinh tế 29
8.2. Rủi ro về luật pháp, chính sách 30
8.3. Rủi ro về chi phí sản xuất 30
8.4. Rủi ro thị trường 30
8.5. Rủi ro cạnh tranh và hội nhập 30
8.6. Rủi ro khác 31
VIII. PHỤ LỤC 31

NỘI DUNG

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH

- Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 tại kỳ họp khóa XI, kỳ họp thứ 8;
- Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 3736/QĐ-BCN ngày 18/12/2006 của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên, đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH một thành viên công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV thuộc Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 63/QĐ-HĐQT ngày 09/01/2007 và Quyết định số 64/QĐ-HĐQT ngày 09/01/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt nam về thành lập Ban chỉ đạo và thành lập tổ chuyên giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Nhà máy Xi măng La Hiên.
- Quyết định số 299/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty TNHH một thành viên công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV về việc dổi tên Nhà máy xi măng La Hiên thành Chi nhánh Công ty TNHH Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV Nhà máy xi măng La Hiên – VVMI.
- Quyết định số 1969/QĐ-HĐQT ngày 17/08/2007 của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc xác định giá trị doanh nghiệp Chi nhánh nhà máy xi măng La Hiên – VVMI thuộc Công ty TNHH một thành viên công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV;
- Quyết định số 2228/QĐ - HĐQT ngày 19 tháng 09 năm 2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Nhà máy xi măng La Hiên – VVMI thành Công ty cổ phần.
- Quyết định số 2429/QĐ-HĐQT ngày 18/10/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên – VVMI.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức phát hành

NHÀ MÁY XI MĂNG LA HIÊN- VVMI (Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV)

Ông: NGUYỄN VĂN QUẾ	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV; Ủy viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên
Ông: VŨ ĐÌNH LÊN	Chức vụ: Kế toán trưởng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là khách quan, trung thực, phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM (VISecurities)

Đại diện theo ủy quyền: Ông NGUYỄN ĐỨC HIẾU

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

III. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. Tổ chức phát hành

NHÀ MÁY XI MĂNG LA HIÊN – VVMI (Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV)

- Địa chỉ: xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

- Điện thoại: (84.28) 0829154 Fax: (84.28) 0829006

2. Tổ chức tư vấn bán đấu giá

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM (VISecurities)

- Địa chỉ: Số 59 – Quang Trung – Quận Hai Bà Trưng – Hà nội

- Điện thoại: (84.4) 9445888 Fax: (84.4) 9446476/9445889

3. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

TRUNG TÂM GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 02 – Phan Chu Trinh – Quận Hoàn Kiếm – Hà nội

- Điện thoại: (84.4) 9360750 Fax: (84.4) 9347818

IV. CÁC TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

TNHH : Trách nhiệm hữu hạn

CNĐKKD : Chứng nhận đăng ký kinh doanh

HĐQT	: Hội Đồng Quản Trị
BKS	: Ban Kiểm Soát
BĐH	: Ban Điều hành
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
XDCB	: Xây dựng cơ bản
ROA	: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản
ROE	: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu
WTO	: Tổ chức Thương mại Thế Giới
VND	: Đồng Việt Nam
Nhà máy	: Nhà máy xi măng La Hiên – VVMI (Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV).
Công ty	: Công ty cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI
VVMI	: Công ty TNHH một thành viên công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV
TKV	: Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam
TTGDCK	: Trung Tâm Giao Dịch Chứng khoán

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

Tên tổ chức	: NHÀ MÁY XI MĂNG LA HIÊN – VVMI (Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV)
Địa chỉ	: xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại	: (84.28) 0829154
Fax:	: (84.28) 0829006
Giấy CNĐKKD	: số 1714000010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 14/02/2007.
Ngành nghề kinh doanh	: + Sản xuất và mua bán xi măng và vật liệu xây dựng; + Khai thác, chế biến và mua bán đá, đất sét; + Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng; + Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; + Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy xi măng La Hiên được thành lập theo Quyết định số 925/NL-BCCB-LĐ ngày 31/12/1994 của Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công thương), là đơn vị hạch toán kinh tế phụ thuộc Công ty Than Nội Địa, nay là Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp mỏ Việt Bắc – VVMI thuộc Tập đoàn Than-Khoáng sản Việt Nam- TKV.

Ngày 18/12/2006, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quyết định số 3676/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên.

Ngày 25/12/2006, Nhà máy xi măng La Hiên được đổi tên thành Nhà máy xi măng La Hiên – VVMI theo Quyết định số 0299/QĐ-HĐQT do Hội đồng quản trị VVMI ban hành.

Ngày 30/01/2007, Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI được chuyển thành Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV Nhà máy Xi măng La Hiên- VVMI, là đơn vị trực thuộc của Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc- VVMI theo Quyết định số 26/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc – TKV.

3. Cơ cấu tổ chức, quản lý

Đứng đầu Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI là Giám đốc. Người giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc. Mỗi Phó Giám đốc phụ trách các Phòng, phân xưởng liên quan đến lĩnh vực mà mình được phân công.

Cụ thể cơ cấu tổ chức, quản lý của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI như sau:

**** Giám đốc:*** chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI đảm bảo kế hoạch và tuân thủ các quy định của điều lệ tổ chức và hoạt động của VVMI.

- Giám đốc trực tiếp lãnh đạo các đơn vị:

+ Phòng Tổ chức nhân sự.
+ Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính.
+ Phòng Kế hoạch – Vật tư.
+ Phòng kinh doanh – Thị trường.
+ Thanh tra Công ty.

**** Phó Giám đốc:*** là người giúp Giám đốc phụ trách điều hành một số lĩnh vực được phân công và phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc về mọi quyết định của mình.

Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI có 05 Phó Giám đốc phụ trách các lĩnh vực sau:

- Phó giám đốc Kỹ thuật cơ điện, kiểm tra an toàn & đầu tư, xây dựng cơ bản: là người trực tiếp phụ trách và giải quyết các công việc liên quan đến toàn bộ công tác kỹ thuật cơ điện, vận tải và thiết bị dây chuyền sản xuất xi măng; đầu tư xây dựng cơ bản.

Phó giám đốc Kỹ thuật cơ điện, kiểm tra an toàn & đầu tư, xây dựng cơ bản trực tiếp lãnh đạo chuyên môn các đơn vị:

+ Phòng Cơ điện.
+ Phân xưởng Cơ điện.

+ Phân xưởng Vận tải.
+ Phòng Kỹ thuật an toàn.

- Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật sản xuất xi măng: là người trực tiếp phụ trách và giải quyết các công việc liên quan đến toàn bộ công tác công nghệ và kỹ thuật sản xuất xi măng, đại diện lãnh đạo về hệ thống quản lý chất lượng ISO; toàn bộ công tác an toàn, bảo hộ lao động.

Phó giám đốc phụ trách kỹ thuật sản xuất xi măng trực tiếp lãnh đạo chuyên môn các đơn vị:

+ Phòng Kỹ thuật sản xuất xi măng.
+ Phân xưởng Lò quay.
+ Phân xưởng Cấp liệu
+ Phân xưởng Liệu sống.
+ Phân xưởng Lò nung.
+ Phân xưởng Thành phẩm.

- Phó giám đốc phụ trách công tác khai thác mỏ: là người trực tiếp phụ trách và giải quyết các công việc liên quan đến tổ chức điều hành công tác khai thác mỏ theo kế hoạch được giao, xây dựng kế hoạch sản xuất đá, sét, kỹ thuật khai thác mỏ, trực tiếp chỉ huy công tác nổ mình và quản lý vật liệu nổ công nghiệp.

Phó giám đốc phụ trách công tác khai thác mỏ trực tiếp lãnh đạo các đơn vị sau:

+ Phòng Kỹ thuật mỏ.
+ Phân xưởng Khai thác đá, sét.

- Phó giám đốc phụ trách công tác tiêu thụ: là người trực tiếp phụ trách và giải quyết các công việc liên quan đến xây dựng chiến lược và tổ chức, điều hành tiêu thụ sản phẩm, marketing, thu hồi công nợ và giải quyết khiếu nại của khách hàng.

Phó giám đốc phụ trách công tác tiêu thụ trực tiếp lãnh đạo các đơn vị sau:

+ Phòng Kinh doanh – Thị trường.
+ Bộ phận bán hàng.

- Phó giám đốc phụ trách hành chính – y tế: là người trực tiếp phụ trách và giải quyết các công việc liên quan đến các công việc hành chính, quản lý đất đai, nhà cửa và công tác đời sống y tế, bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

Phó giám đốc phụ trách hành chính – y tế trực tiếp lãnh đạo các đơn vị sau:

+ Phòng Hành chính.
+ Đội Bảo vệ.
+ Trạm Y tế.

Sơ đồ tổ chức: (Xem trang sau)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CHI NHÁNH NHÀ MÁY XI MĂNG LA HIÊN TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

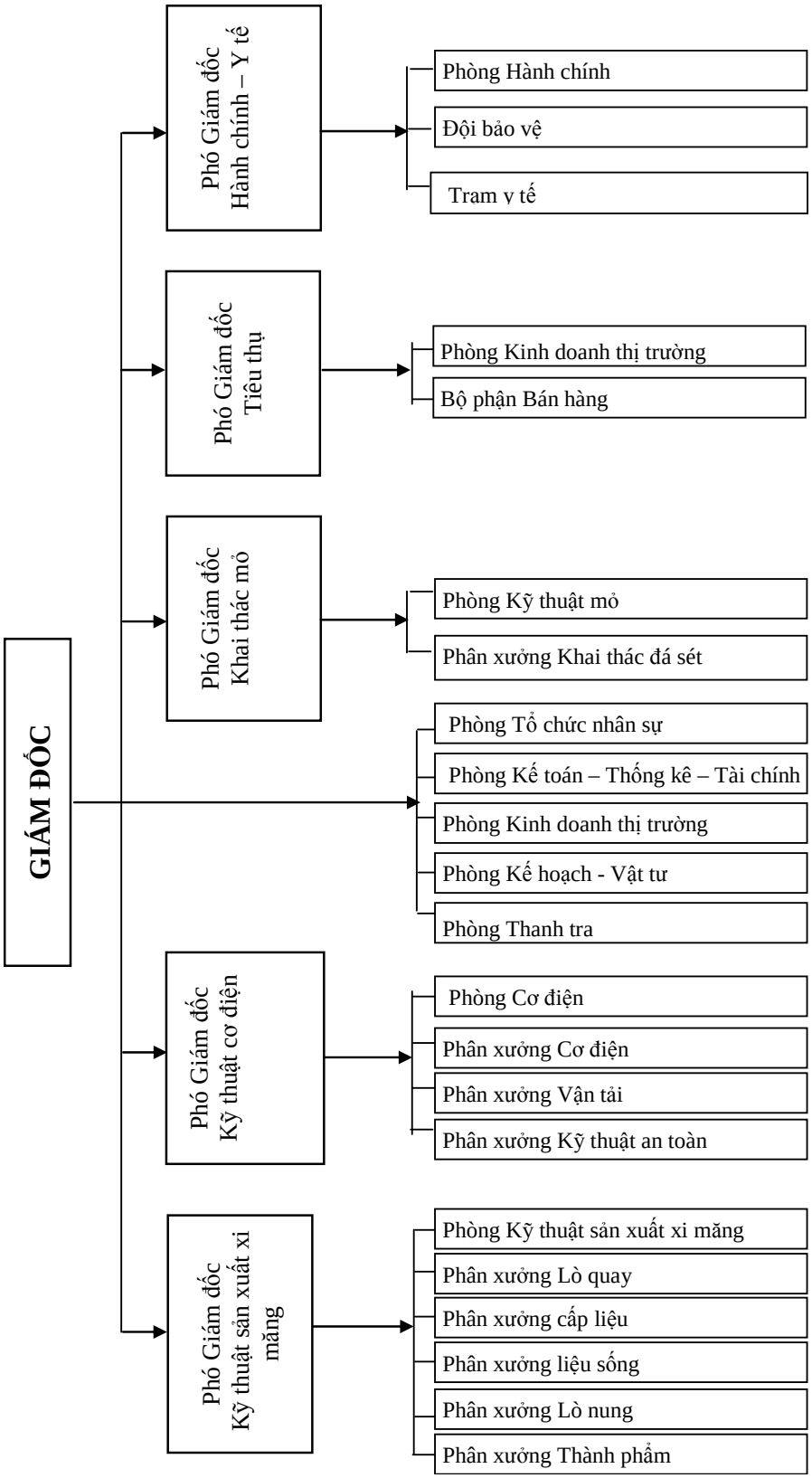

4. Cơ cấu lao động tại thời điểm cổ phần hóa

Tổng số lao động của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI tại thời điểm cổ phần hóa: 933 người, trong đó:

- Phân theo trình độ:

+ Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học : 163 người

+ Cán bộ có trình độ trung cấp : 80 người

+ Công nhân kỹ thuật : 643 người

+ Lao động phổ thông : 47 người

Tổng số ***: 933 người***

- Phân theo loại hợp đồng lao động:

+ Hợp đồng không xác định thời hạn : 925 người

+ Hợp đồng thời vụ : 0 người

+ Không phải ký hợp đồng: : 8 người

Tổng số ***: 933 người***

Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI không có lao động dôi dư cần giải quyết khi CPH.

5. Giá trị doanh nghiệp và một số vấn đề liên quan đến tài chính tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2006)

5.1. Vốn kinh doanh tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để CPH

Vốn kinh doanh của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 31/12/2006) là 32.659.094.506 đồng, trong đó:

- Phân theo cơ cấu vốn:

+ Vốn cố định : 26.497.544.642 đồng

+ Vốn lưu động : 6.161.549.864 đồng

- Phân theo nguồn vốn:

+ Vốn nhà nước (vốn ngân sách) : 31.275.825.193 đồng

+ Vốn tự tích lũy (vốn bổ sung) : 1.383.269.313 đồng

5.2. Giá trị thực tế của doanh nghiệp và giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để CPH

Theo Quyết định số 1969/QĐ-HĐQT ngày 17/08/2007 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm CPH như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp : 213.062.091.735 đồng

Trong đó: Giá trị thực tế vốn Nhà nước tại doanh nghiệp : 56.688.410.682 đồng

Tài sản không tính vào giá trị giá trị doanh nghiệp:

- Tài sản không cần dùng : không có
- Tài sản chờ thanh lý : không có
- Tài sản hình thành từ Quỹ khen thưởng, Qũy phúc lợi sẽ bàn giao cho Công ty cổ phần quản lý và sử dụng : không có

- Quyền sử dụng đất được mua bằng tiền ngân sách và có nguồn gốc từ ngân sách: không có

Tổng cộng tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp : không

5.3. Các vấn đề khác liên quan đến tài chính cần xem xét, giải quyết tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để CPH

- Vốn góp liên doanh, liên kết: không có
- Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang: không có
- Các khoản công nợ cần xử lý: không có

6. Tình hình sử dụng nhà xưởng, đất đai

Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI đã thực hiện quản lý và sử dụng đất đúng pháp luật, không xảy ra vụ tranh chấp nào. Cụ thể tình hình sử dụng nhà xưởng, đất đai của Nhà máy được thể hiện ở bảng dưới đây:

STT	Tên khu đất	Diện tích (m^2)	Thời gian thuê
I.	**Khu văn phòng**	**5.000**	**50 năm**
II.	**Nhà xưởng, khai trường**	**258.521**	
	1. Khu sản xuất	49.000	50
	2. Khu trạm bơm	4.100	50
	3. Khu bãi chứa nguyên liệu	12.900	50
	4. Khu mở rộng nhà máy	96.000	50
	5. Khu bãi để xe	9.000	50
	6. Khu mỏ sét	29.235	50 năm
	7. Khu mỏ đá	30.000	50 năm
	8. Khu vành đai mỏ đá La Hiên	9.950	50
	9. Khu cầu Gia Bẩy	836	45
III.	**Diện tích đất làm nhà ở tập thể cho CBCNV**	**8.553**	**50 năm**
	Tổng diện tích đất đang quản lý	**272. 074**	

VI. TÌNH HÌNH KINH DOANH TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thuận lợi

- *Tiềm năng phát triển của ngành:* Nhu cầu tiêu dùng xi măng cả nước vẫn ở mức cao, cung chưa đáp ứng đủ cầu, sản phẩm của công ty tiêu thụ tốt trên thị trường nhờ chất lượng tốt và ổn định.
- *Công nghệ sản xuất hiện đại:* Phần lớn sản phẩm xi măng của Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI được sản xuất theo công nghệ tiên tiến – đó là phương pháp lò quay, theo đó, xi măng được sản xuất với chất lượng cao hơn và giá thành rẻ hơn phương pháp lò đứng. Nhà máy xi

măng La Hiên - VVMI đã đầu tư dây chuyền sản xuất đồng bộ, hiện đại, giúp tăng cường hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm:* Hiện tại nhà máy đang sử hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000.
- *Lợi thế về vị trí địa lý:* Nhà máy nằm cạnh trục đường quốc lộ số 1B, cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 18 km trên đường đi Lạng sơn vì vậy giao thông đi lại dễ dàng, thuận tiện.
- *Lợi thế cạnh tranh về giá bán do tiết kiệm chi phí vận chuyển:* Các địa bàn tiêu thụ xi măng chủ yếu của Nhà máy là Thái Nguyên (chiếm 60% tổng sản lượng tiêu thụ của Nhà máy), Bắc Kạn, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Cao Bằng. Trong địa bàn tiêu thụ này, các sản phẩm cạnh tranh đối với xi măng La Hiên là xi măng Hoàng Thạch, Phúc Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Mai, Tam Điệp. Địa điểm của Nhà máy xi măng La Hiên đặt tại Thái Nguyên là một thế mạnh so với các đối thủ cạnh tranh khác do khoảng cách giữa nơi sản xuất và tiêu thụ của Nhà máy xi măng La Hiên gần hơn, tiết kiệm được chi phí vận chuyển, giảm giá thành. So với các sản phẩm xi măng trong tiêu thụ cùng địa bàn, xi măng La Hiên có giá bán thấp hơn trong khi vẫn đảm bảo về chất lượng nên được tiêu thụ rất tốt. Hiện tại, Xi măng La Hiên là sản phẩm chiếm thị phần lớn nhất trong thị trương xi măng của tỉnh Thái Nguyên (khoảng 40%) và chiếm khoảng 20% thị phần xi măng của tỉnh Bắc Kan.
- *Uy tín sản phẩm:* Nhãn hiệu sản phẩm "Xi măng La Hiên" là nhãn hiệu có uy tín trên thị trường các tỉnh khu vực phía Bắc, đặc biệt là vùng Việt Bắc. Sản phẩm xi măng La Hiên có khả năng tiêu thụ tốt. Những năm gần đây, nhà máy luôn sản xuất đạt 100% công suất thiết kế, xi măng không đủ bán cho bạn hàng. Hiện tại, trong địa bàn tiêu thụ của mình, Nhà máy xi măng La Hiên là nhà máy xi măng có quy mô lớn nhất.
- *Nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định:* Than, đá vôi và sét là nguyên liệu quan trọng trong việc sản xuất xi măng. Do công ty mẹ - VVMI là đơn vị sản xuất than, Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI có lợi thế về nguồn cung cấp nguyên liệu này. Bên cạnh đó, vị trí Nhà máy đóng gần vùng nguyên liệu với trữ lượng lớn là những thuận lợi cơ bản trong hoạt động của Nhà máy. Nhà máy có các mỏ nguyên liệu trên ở gần nhà máy (trong khoảng từ 2- 8 km) để tự khai thác phục vụ sản xuất với nguồn trữ lượng dồi dào, phục vụ ổn định cho việc sản xuất sản phẩm của nhà máy với thời hạn khai thác 30 năm.
- *Chính sách tiêu thụ hiệu quả:* Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI đã ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm thường xuyên với gần 200 khách hàng và nhiều khách khác theo vụ việc. Bênh cạnh việc cung cấp một phần xi măng cho đầu tư xây dựng cơ bản của Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam nói chung và VVMI nói riêng, Nhà máy thực hiện việc bán hàng ở gần hầu hết các tỉnh phía Bắc (11 tỉnh) với phương thức sản phẩm được phục vụ tận công trình và các đại lý bao tiêu. Hiện nay Nhà máy có khoảng 200 điểm đại lý và hơn 100 điểm bán hàng khác phục vụ cho tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh việc vận dụng linh hoạt các chính sách bán theo từng thời gian và vùng thị trường, Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI tích cực thực hiện việc quảng bá sản phẩm trực tiếp trên các biển quảng cáo tại các cửa hàng bán sản phẩm, rải tờ rơi. Chính vì vậy, sản phẩm xi măng và clinker của Nhà máy được sản xuất ra hầu như được tiêu thụ hết.

- *Hỗ trợ của các cấp, ngành:* Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Bộ Xây dựng, Tập đoàn Than – khoáng sản Việt Nam, lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên, sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ của các cấp, các ngành và các đơn vị liên quan.
- *Sự thống nhất cao trong nội bộ:* tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên Nhà máy luôn đoàn kết, chung sức, chung lòng, kiên trì thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

2. Khó khăn

- *Chi phí sản xuất tăng:* Trong thời gian qua, giá xăng dầu, than và điện đều tăng trong khi sản phẩm của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI lại được vận chuyển chủ yếu bằng đường bộ. Điều này dẫn đến chi phí vận chuyển tăng.
- *Môi trường kinh doanh cạnh tranh:* mức độ cạnh tranh các thị trường truyền thống của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI ngày càng tăng, làm ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Nhà máy.

3. Tình hình hoạt động kinh doanh từ năm 2004 đến quý II/2007

3.1. Tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Khối lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (2004 - quý II/2007)

Đơn vị: nghìn tấn, %

Chỉ tiêu	2004		2005			2006		
	Thực hiện	% hoàn thành KH năm	Thực hiện	% hoàn thành KH năm	Tăng trưởng	Thực hiện	% hoàn thành KH năm	Tăng trưởng
1. Xi măng PCB								
- Sản xuất	194	119,0%	224	101,4%	15,5%	276	95,3%	23,2%
- Tiêu thụ	194	119,0%	223	100,9%	14,9%	278	95,8%	24,7%
2. Clinker								
- Sản xuất	8	110,2%	11	117,1%	37,5%	62,6	89,5%	469,1%
- Tiêu thụ	8	110,2%	11	117,1%	37,5%	62,6	89,5%	469,1%

Nguồn: Báo cáo tài chính của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI năm 2004, 2005, 2006 và quý II/2007

Trong giai đoạn từ năm 2004 đến hết quý II/2007, việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy đạt kết quả khá tốt, sản lượng sản xuất và tiêu thụ liên tục tăng. Hầu hết Nhà máy đều hoàn thành kế hoạch VVMI giao, khối lượng xi măng và clinker sản xuất ra đều được tiêu thụ hết. Riêng trong năm 2006, do tiến độ thi công hệ thống nghiền chậm hơn dự kiến nên khối lượng sản xuất clinker và xi măng thấp hơn so với kế hoạch. Đến hết quý II/2007, sản xuất và tiêu thụ clinker đạt 23 nghìn tấn, hoàn thành 113,5% kế hoạch cả năm, sản xuất và tiêu thụ xi măng của Nhà máy đạt 155 nghìn tấn.

Doanh thu xi măng PCB 30, PCB 40 chiếm trung bình 87% trong tổng doanh thu, tốc độ tăng trưởng doanh thu xi măng cũng tăng khá mạnh, năm 2005: tăng 16,7% so với năm 2004 và năm 2006 tăng tới 27,7% so với năm 2005.

Doanh thu clinker mặc dù chỉ chiếm trung bình 6,7% trong tổng doanh thu do có sản lượng sản xuất thấp, tuy nhiên, tỷ lệ này tăng rất mạnh qua các năm (năm 2004: là 2,5%, năm 2005: là

3,2%, năm 2006 là 14,3%) đồng thời đạt tốc độ tăng trưởng vượt bậc (năm 2005 tăng 45,7% so với năm 2004, năm 2006 tăng tới 534,2% so với năm 2005).

Cơ cấu giá trị tiêu thụ sản phẩm trong tổng doanh thu (2004 – 2005)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2004			2005			
	Giá trị	% hoàn thành KH năm	% trong tổng DT	Giá trị	% hoàn thành KH năm	Tăng trưởng	% trong tổng DT
1. DT xi măng	106.047	119,4%	89,4%	123.792	101,8%	16,7%	89,9%
2. DT Clinker	3.018	110,5%	2,5%	4.398	122,2%	45,7%	3,2%
3. DT khác	9.517		8,0%	9.479		-0,4%	6,9%
Tổng DT	**118.582**		**100,0%**	**137.669**			**100,0%**

Nguồn: Báo cáo tài chính của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI năm 2004, 2005, 2006 và quý II/2007

Cơ cấu giá trị tiêu thụ sản phẩm trong tổng doanh thu (2006 – quý II/2007)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2006				Quý II/2007		
	Giá trị	% hoàn thành KH năm	Tăng trưởng	% trong tổng DT	Giá trị	% hoàn thành KH năm	% trong tổng DT
1. DT xi măng	158.078	96,2%	27,7%	81,0%	89.531	35,9%	87,2%
2. DT Clinker	27.891	90,9%	534,2%	14,3%	9.816	118,3%	9,6%
3. DT khác	9.238		-2,5%	4,7%	3.359		3,3%
Tổng DT	**195.207**			**100,0%**	**102.706**		**100,0%**

Nguồn: Báo cáo tài chính của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI năm 2004, 2005, 2006 và quý II/2007

3.2. Tình hình tài chính từ 2004 – quý II/2007

Trong những năm đổi mới, Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh khá tốt. Nhà máy bảo toàn vốn và phát triển được vốn, hoàn thành nghĩa vụ thu nộp ngân sách. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI 03 năm trước khi CPH và quý II/2007 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2004		2005			2006			30/06/2007	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Tăng trưởng	Giá trị	Tỷ lệ	Tăng trưởng	Giá trị	Tỷ lệ
TỔNG TÀI SẢN	**30.630**	**100,0%**	**186.068**	**100,0%**	**507,5%**	**189.033**	**100,0%**	**1,6%**	**228.016**	**100,0%**
A, Tài sản ngắn hạn	**10.409**	**34,0%**	**21.553**	**11,6%**	**107,1%**	**25.699**	**13,6%**	**19,2%**	**31.614**	**13,9%**
1.Tiền	3.474	11,3%	9.639	5,2%	177,5%	10.708	5,7%	11,1%	5.314	2,3%
2.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0,0%	0	0,0%		0	0,0%		0	0,0%
3. Các khoản phải thu	427	1,4%	5.032	2,7%	1078,5%	6.174	3,3%	22,7%	8.720	3,8%
4.Hàng tồn kho	6.313	20,6%	6.321	3,4%	0,1%	7.803	4,1%	23,4%	17.525	7,7%

5. Tài sản ngắn hạn khác	195	0,6%	561	0,3%	187,7%	1.014	0,5%	80,7%	55	0,0%
B.Tài sản dài hạn	**20.221**	**66,0%**	**164.515**	**88,4%**	**713,6%**	**163.334**	**86,4%**	**-0,7%**	**196.402**	**86,1%**
1. Các khoản phải thu dài hạn	0	0,0%	0	0,0%		19	0,0%		0	0,0%
2. Tài sản cố định	20.221	66,0%	164.215	88,3%	712,1%	163.118	86,3%	-0,7%	194.865	85,5%
- TSCĐ hữu hình	*17.181*	*56,1%*	*161.564*	*86,8%*	*840,4%*	*161.494*	*85,4%*	*0,0%*	*193.361*	*84,8%*
- TSCĐ thuê tài chính	*1.706*	*5,6%*	*1.370*	*0,7%*	*-19,7%*	*971*	*0,5%*	*-29,1%*	*772*	*0,3%*
- Tài sản vô hình	*1.306*	*4,3%*	*979*	*0,5%*	*-25,0%*	*653*	*0,3%*	*-33,3%*	*490*	*0,2%*
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	*28*	*0,1%*	*302*	*0,2%*	*978,6%*	*0*	*0,0%*	*-100,0%*	*242*	*0,1%*
3.Bất động sản đầu tư	0	0,0%	0	0,0%		0	0,0%		0	0,0%
4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0,0%	0	0,0%		0	0,0%		0	0,0%
5. Tài sản dài hạn khác	0	0,0%	300	0,2%		197	0,1%	-34,3%	1537	0,7%
TỔNG NGUỒN VỐN	**30.630**	**100,0%**	**186.068**	**100,0%**	**507,5%**	**189.033**	**100,0%**	**1,6%**	**228.016**	**100,0%**
A. Nợ phải trả	**22.019**	**71,9%**	**159.600**	**85,8%**	**624,8%**	**156.341**	**82,7%**	**-2,0%**	**195.058**	**85,5%**
1. Nợ ngắn hạn	14.076	46,0%	29.357	15,8%	108,6%	44.674	23,6%	52,2%	54.311	23,8%
2. Nợ dài hạn	7.943	25,9%	130.243	70,0%	1539,7%	111.667	59,1%	-14,3%	140.747	61,7%
B. Vốn chủ sở hữu	**8.611**	**28,1%**	**26.468**	**14,2%**	**207,4%**	**32.692**	**17,3%**	**23,5%**	**32.958**	**14,5%**
1. Vốn chủ sở hữu	8.712	28,4%	26.397	14,2%	203,0%	32.659	17,3%	23,7%	32.917	14,4%
Trong đó: Vốn nhà nước	*7.891*	*25,8%*	*25.760*	*13,8%*	*226,4%*	*31.276*	*16,5%*	*21,4%*	*31.276*	*13,7%*
2. Nguồn kinh phí, quỹ khác	-101	-0,3%	71	0,0%	-170,3%	33	0,0%	-53,5%	41	0,0%

Nguồn: Báo cáo tài chính của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI năm 2004, 2005, 2006 và quý II/2007

Nhận xét:

* **Tổng tài sản:** Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI đạt tốc độ tăng tổng tài sản rất mạnh từ năm 2004 đến năm 2005, xấp xỉ 508%. Nguyên nhân là do trong năm 2005, Chi nhánh đầu tư thêm dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 250 nghìn tấn/năm. Đến hết quý II/2007, Nhà máy cũng đạt tốc độ tăng trưởng tổng tài sản khá cao so với năm 2006, là 21%. Điều này thể hiện quy mô kinh doanh được mở rộng, đáp ứng cho việc phát triển sản xuất của Nhà máy.

* **Các khoản phải thu:** Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI hầu như không có các khoản phải thu dài hạn, chỉ có các khoản thu ngắn hạn. Mặc dù có xu hướng gia tăng khá nhanh trong những năm gần đây nhưng các khoản phải thu ngắn hạn của Nhà máy chỉ chiếm một tỷ lệ khá nhỏ trong tổng tài sản, trung bình chiếm 2,8% trên tổng tài sản, chứng tỏ Nhà máy không bị chiếm dụng vốn bởi các đơn vị khác.

*** Hàng tồn kho:** Khối lượng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm xi măng và clinker của Nhà máy gần như bằng nhau, nhất là đối với clinker. Chính vì vậy Nhà máy có lượng hàng tồn kho khá thấp, chỉ chiếm trung bình 9% trên tổng tài sản, đặc biệt thấp trong năm 2005 (đạt 3,4%), và 2006 (đạt 4,1%).

*** Tài sản cố định:** Khoản mục này chiếm trung bình 81,5% trên tổng tài sản, trong đó chủ yếu là tài sản cố định hữu hình. Năm 2005, tài sản cố định hữu hình tăng đến 840% so với năm 2004,

tương ứng với mức tăng tuyệt đối là 114 tỷ, phần lớn là do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành. Mức tăng của đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm 2005 lên đến 153 tỷ. Đến năm 2006, tài sản cố định hữu hình hầu như không có sự thay đổi đáng kể (giảm 0,04%).

Các khoản mục tài sản cố định thuê tài chính và tài sản cố định vô hình (chủ yếu là quyền sử dụng đất) từ năm 2005 đến quý II/2007 hầu như không tăng lên về nguyên giá mà chỉ giảm do trích khấu hao.

*** Nợ phải trả:**

- Nợ phải trả chiếm tỷ trọng khá lớn trong tổng tài sản (từ 80% - 86%), đặc biệt là ở các năm 2005, 2006, trong đó chủ yếu là các khoản nợ dài hạn do đầu tư cho hệ thống dây chuyền sản xuất xi măng theo phương pháp lò quay (năm 2005: nợ dài hạn chiếm tới 81,6% tổng nợ phải trả, năm 2006 chiếm 71% và quý II/2007 chiếm 72%).

* **Nguồn vốn chủ sở hữu**:

- Vốn chủ sở hữu: vốn chủ sở hữu năm 2005 tăng so với năm 2004 (từ 8,7 tỷ lên 26,4 tỷ tương ứng với tỷ lệ tăng là 203%) là do điều động từ nội bộ công ty. Trong năm 2006 vốn chủ sở hữu có tốc độ tăng trưởng chậm hơn, đạt 24% với mức tăng tuyệt đối là 6,3 tỷ với nguyên nhân tăng chủ yếu là do ngân sách cấp tăng ròng (6,1 tỷ đồng) và một phần nhỏ là tự bổ sung.

- Nguồn kinh phí và quỹ khác: trong khoản mục này, từ năm 2004 – quý II/2007, Nhà máy chỉ có quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng tài sản.

3.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và một số chỉ tiêu tài chính từ năm 2004 – quý II/2007

Kết qủa hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2004	2005	2006	Lũy kế quý II/2007
Doanh thu BH&CCDV	**118.582**	**137.549**	**195.152**	**102.844**
Các khoản giảm trừ	0	6	406	159
Doanh thu thuần về BH&CCDV	**118.582**	**137.543**	**194.746**	**10.2685**
Giá vốn hàng bán	90.982	117.788	157.847	82.295
Chênh lệch về BH&CCDV	**27.600**	**19.755**	**36.899**	**20.390**
Doanh thu HĐ tài chính	45	119	55	21
Chi phí tài chính	855	4.276	15.044	7.797
Trong đó: Lãi vay phải trả	755	4.144	14.924	7.731
Chi phí bán hàng	7.119	10.799	18.221	10.988
Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.013	9.448	10.171	5.290
Chênh lệch thuần từ HĐKD	**6.658**	**-4.649**	**-6.482**	**-3.664**
Thu nhập khác	719	699	1.442	144
Chi phí khác	515	370	617	176
Chênh lệch khác	**204**	**329**	**825**	**-32**
Chênh lệch SXKD	**6.862**	**-4.320**	**-5.657**	**-3.696**
Thu nhập BQ/người/tháng	**1.9**	**2.5**	**2.6**	**2.4**

Nguồn: Báo cáo tài chính của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI năm 2004, 2005, 2006 và quý II/2007

Nhận xét

*** Doanh thu:** doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI đều tăng qua các năm, trong đó tốc độ tăng năm 2005 đạt 16% so với năm 2004 và năm 2006 đạt tới 42% so với năm trước. Đến hết quý II/2007, doanh thu cũng tăng 6% so với cùng kỳ năm 2006. Dự kiến đến cuối năm 2007, doanh thu đạt 227 tỷ, tăng 16% so với năm 2006. Các khoản giảm trừ doanh thu (do chiết khấu thương mại) chiếm tỷ trọng khá nhỏ so với tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Nhà máy, dẫn đến tốc độ tăng của doanh thu thuần cũng xấp xỉ với tốc độ tăng của doanh thu. Tỷ lệ doanh thu thuần trên tổng tài sản từ năm 2004 đến năm 2006 trung bình đạt 188%, đây là tỷ lệ rất cao, thể hiện khả năng hoạt động tốt của Nhà máy.

*** Chênh lệch sản xuất kinh doanh:**

Nhà máy xi măng La Hiên - VVMI là đơn vị hạch toán phụ thuộc công ty mẹ (VVMI), các khoản chi phí của chi nhánh do công ty mẹ khoán. Chính vì vậy, hàng năm, Nhà máy chỉ hạch toán chênh lệch hoạt động sản xuất kinh doanh (bằng doanh thu trừ chi phí). Trường hợp chênh lệch này là dương, sẽ được điều chuyển về công ty mẹ; ngược lại, nếu âm, sẽ được VVMI cấp bù chênh lệch.

Năm 2004, chênh lệch sản xuất kinh doanh của Nhà máy đạt khoảng 6,9 tỷ. Từ năm 2005 trở đi, với việc đầu tư thêm hệ thống dây chuyền lò quay công suất 250 nghìn tấn/năm, để đảm bảo tiến độ trả nợ, do công ty mẹ quyết định giảm thời gian khấu hao tài sản của Nhà máy từ 12 năm xuống còn 6 năm. Điều này dẫn đến chênh lệch hoạt động sản xuất kinh doanh từ sau năm 2004 đều mang giá trị âm. Số chênh lệch này trong các năm 2005, 2006 đã được VVMI cấp bù. Số chênh lệch âm sản xuất kinh doanh thực tế năm 2007 vẫn sẽ được VVMI cấp bù lỗ trước khi Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI chuyển thành Công ty cổ phần Xi măng La Hiên – VVMI.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu từ năm 2004 – 31/06/2007

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2004	2005	2006	31/06/2007
Khả năng thanh toán					
- KNTT ngắn hạn	Lần	0,7	0,7	0,6	0,6
- KNTT nhanh tương đối	Lần	0,3	0,5	0,4	0,3
- KNTT nhanh tức thì	Lần	0,2	0,3	0,2	0,1
Cơ cấu vốn					
- Tài sản cố định/Tổng tài sản	Lần	0,7	0,9	0,9	0,9
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng Tài sản	Lần	0.3	0.1	0.1	0.1
- Tài sản dài hạn /Tổng tài sản	Lần	0.7	0.9	0.9	0.9
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,7	0,9	0,8	0,9
- Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,6	6,0	4,8	5,9
Khả năng hoạt động					
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	387,1%	73,9%	103,0%	45,0%

Trong thời gian tới, khi chuyển sang mô hình công ty cổ phần, Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI sẽ có điều kiện chủ động thực hiện các biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm chi phí hợp lý để đảm bảo hoạt động có lãi. Bên cạnh đó, việc huy động vốn từ bên ngoài thông qua đợt bán cổ phần lần đầu sẽ đáp ứng nhu cầu vốn lớn cho công ty cổ phần, là vốn đối ứng cho dự án đầu tư thêm dây chuyền lò quay mới (trên 600 nghìn tấn/năm), tạo điều kiện giảm lãi suất vay ngân hàng, tiết kiệm chi phí tài chính.

VII. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Tên công ty và trụ sở giao dịch

- Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG LA HIÊN – VVMI
- Tên giao dịch quốc tế : VVMI – LAHIEN CEMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt : Công ty Xi măng La Hiên
- Tên giao dịch quốc tế viết tắt : LHC
- Địa chỉ : xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên
- Điện thoại : (84.28) 0829154 Fax : (84.28) 0829006

2. Tư cách pháp nhân của công ty

Công ty cổ phần Xi măng La Hiên - VVMI có tư cách pháp nhân đầy đủ theo pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính. Công ty cổ phần Xi măng La Hiên – VVMI là Công ty con của Công ty TNHH một thành viên Công nghiệp Mỏ Việt Bắc – TKV theo quy định của pháp luật.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần dự kiến như sau:

- Sản xuất, mua bán xi măng, clinker và vật liệu xây dựng;
- Khai thác, chế biến và mua bán đá, đất sét, các loại khoáng sản;
- Chế tạo, sửa chữa, gia công các sản phẩm cơ khí, kết cấu thép, phụ tùng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng;
- Vận tải hành khách và hàng hóa bằng ô tô;
- Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng, hàng hóa;
- Cho thuê văn phòng và địa điểm kinh doanh;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với với quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Tại thời điểm thành lập, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND *(một trăm tỷ đồng)* tương ứng với 10.000.000 cổ phần và mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có cơ cấu vốn điều lệ được phân loại theo sở hữu như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Giá trị cổ phần nắm giữ (đồng)	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ/vốn điều lệ
Nhà nước (đại diện là VVMI)	5.100.000	51.000.000.000	51%
CBCNV trong Nhà máy	987.700	9.877.000.000	9,877%
Cổ đông chiến lược	0	0	0%
Cổ đông bên ngoài	3.912.300	39.123.000.000	39,123 %
Tổng	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100%**

Nguồn: phương án cổ phần hóa của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI

5. Tổ chức bộ máy quản lý công ty cổ phần

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức một cách hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và đảm bảo quyền lợi cho toàn bộ các cổ đông.

Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty cổ phần Xi măng La Hiên: (Xem trang sau)

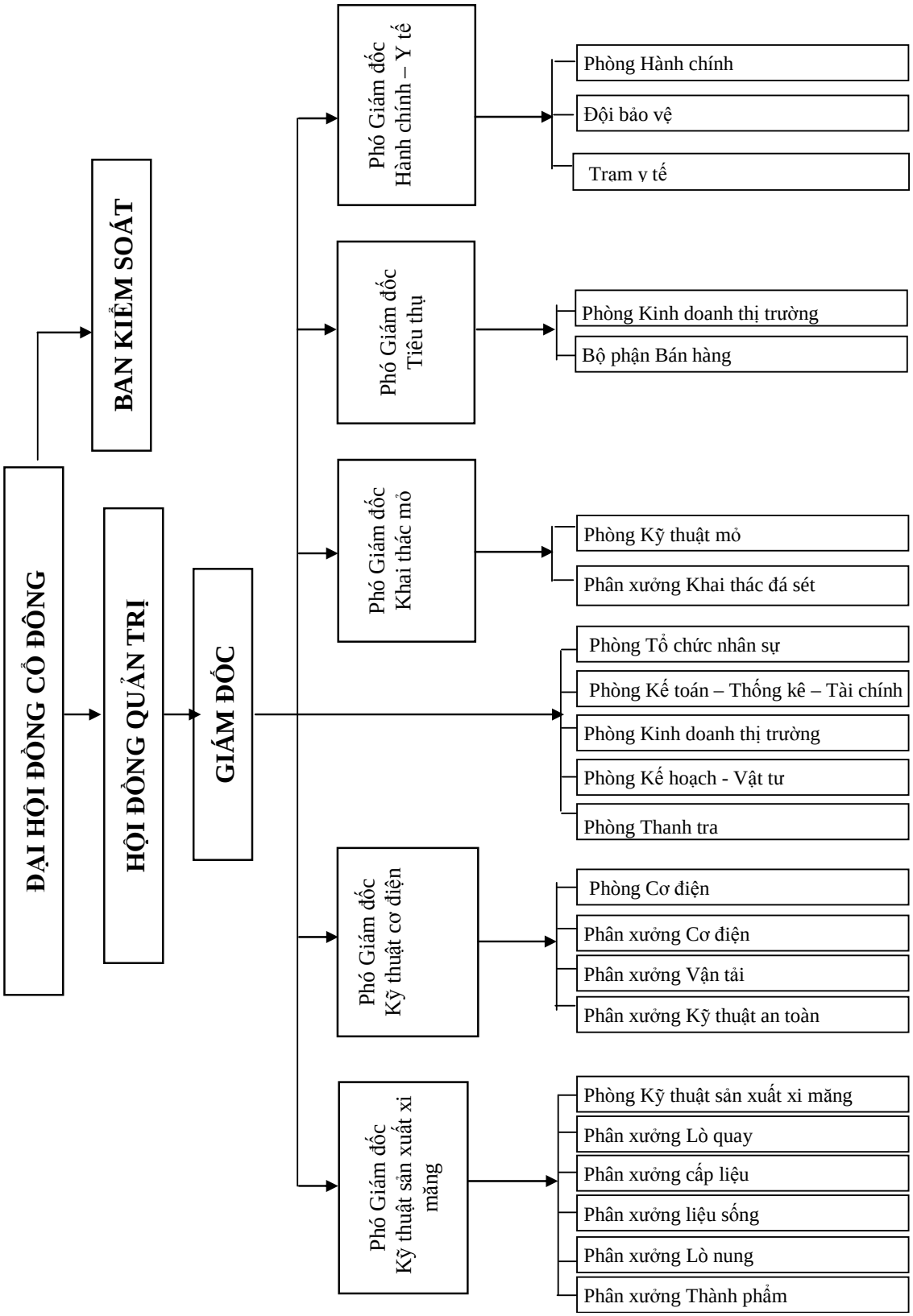
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
BAN KIỂM SOÁT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc Hành chính – Y tế
Phòng Hành chính
Đội bảo vệ
Tram y tế
Phó Giám đốc Tiêu thụ
Phòng Kinh doanh thị trường
Bộ phận Bán hàng
Phó Giám đốc Khai thác mỏ
Phòng Kỹ thuật mỏ
Phân xưởng Khai thác đá sét
Phòng Tổ chức nhân sự
Phòng Kế toán – Thống kê – Tài chính
Phòng Kinh doanh thị trường
Phòng Kế hoạch - Vật tư
Phòng Thanh tra
Phó Giám đốc Kỹ thuật cơ điện
Phòng Cơ điện
Phân xưởng Cơ điện
Phân xưởng Vận tải
Phân xưởng Kỹ thuật an toàn
Phó Giám đốc Kỹ thuật sản xuất xi măng
Phòng Kỹ thuật sản xuất xi măng
Phân xưởng Lò quay
Phân xưởng cấp liệu
Phân xưởng liệu sống
Phân xưởng Lò nung
Phân xưởng Thành phẩm

5.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

5.2 Hội Đồng Quản Trị

Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng Quản trị của Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

5.3 Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty. Ban Kiểm Soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông lớn. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

5.4 Ban Điều hành

Ban Điều hành gồm Giám Đốc và các Phó Giám Đốc. Giám đốc là người quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê. Giúp việc cho Giám đốc là các Phó Giám đốc.

5.5 Các phòng, ban kỹ thuật, nghiệp vụ

Các phòng, ban kỹ thuật nghiệp vụ thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh được hiệu quả.

6. Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2008-2010

6.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

6.1.1 Các nhân tố bên ngoài

*** Tình hình kinh tế thế giới**

Năm 2006, kinh tế thế giới có nhiều thuận lợi, đạt tốc độ tăng trưởng 5,1%. Các nền kinh tế đang phát triển đạt tốc độ tăng trưởng ngoạn mục (khoảng 7%), cao hơn gấp đôi tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế phát triển (3,1%), chiếm tỷ trọng 22% GDP của toàn thế giới, đóng góp tới 38% tốc độ tăng của GDP toàn cầu, trong đó nổi bật vai trò chủ đạo của Trung Quốc và Ấn độ. Theo IMF, các nền kinh tế đang nổi ở Châu Á đạt mức tăng trưởng 8,3% trong năm 2006 nhờ quan hệ thương mại trong khu vực ngày càng trở nên khăng khít hơn.

GDP năm 2006 của Mỹ ước tính tăng khoảng 3,2%, của EU tăng khoảng 2,5% so với năm trước, trong đó GDP của khu vực sử dụng đồng Euro tăng 2,4%, Kinh tế Nhật Bản đạt mức tăng trưởng khoảng 2,9% trong năm 2006.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân trong năm 2006 của khu vực ASEAN đạt 5,4%, tương đương với tốc độ tăng trưởng bình quân của năm 2005. Trong đó, GDP của Indonesia tăng 5,2%,

của Thái Lan tăng 4,8%, của Malaysia tăng 5,7%, của Philippines tăng 5,5%, của Việt Nam tăng 8,2%[1].

Mới đây, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đã nâng mức dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới cho 2 năm 2007 và 2008 từ 4,9% lên 5,2%. IMF nhận định, những yếu tố bất lợi đang kìm hãm tăng trưởng kinh tế thế giới vẫn tồn tại nhưng ở mức độ có thể kiểm soát được, với tình trạng lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát" mặc dù giá thực phẩm và dầu lửa ngày càng leo thang.[2]

*** Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam**

Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới (World Bank), Việt Nam hiện đang được xếp vào hàng các nước trong khu vực Đông Ávới tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực. Kinh tế Việt Nam năm 2005 và 2006 đều tăng trưởng ở mức trên 8% (năm 2005: tăng 8,4%, năm 2006 tăng 8,2%) vượt mức tăng 7,7% của năm 2004.

Theo số liệu mới công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm 2007 đạt 7,9%, là mức cao nhất so với cùng kỳ trong 5 năm gần đây [3]. Theo Tổng Cục Thống Kê Việt Nam (GSO), 6 tháng đầu năm ngành công nghiệp và xây dựng tăng 9,88%, tiếp theo là ngành dịch vụ tăng 8,41% và nông-lâm-ngư nghiệp chỉ tăng 2,8%. Kết quả này tiếp tục khẳng định xu hướng phát triển tích cực của nền kinh tế.

Mặc dù phải đối mặt với hạn ngạch và mức thuế tăng cho một số mặt hàng tại thị trường Hoa Kỳ và một số nước khác, nhưng tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam ngày càng tăng cao. Xuất khẩu cả năm 2005 ước đạt 32 tỷ USD, tăng 21,6% so với năm 2004. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2006 đạt 40 tỷ USD, tăng 23% so với năm 2005, đây được coi là thành tích rất đáng tự hào khi nền kinh tế chuẩn bị bước vào giai đoạn hội nhập toàn diện, đóng góp không nhỏ vào mức tăng trưởng kinh tế chung của cả nước. Trong 6 tháng đầu năm 2007, mặc dù thâm hụt thương mại của Việt Nam là 4,78 tỷ USD, tuy nhiên, sự thâm hụt thương mại này là do sự gia tăng nhập khẩu máy móc, thiết bị, sắt thép cho việc xây dựng các công trình, nhà máy và nguyên vật liệu cho sản xuất. Điều này đem lại tín hiệu khả quan cho sự tăng trưởng tốt của nền kinh tế trong 6 tháng cuối năm. Thêm vào đó, xuất khẩu, cả về mặt sản lượng và giá trị thường có khuynh hướng tăng cao hơn vào 6 tháng cuối năm so với 6 tháng đầu năm 2007.

Hiện nay, thị trường Việt nam được đánh giá là môi trường tiềm năng và có sức hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam trong năm 2006 đạt 10,2 tỷ USD, vượt xa so với kế hoạch dự kiến ban đầu cho cả năm là 6,5 tỷ USD[4]. Năm 2006 trở thành năm thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất và là lần đầu tiên vượt mức 10 tỷ USD. Trong 7 tháng đầu năm 2007, vốn FDI vào Việt Nam đạt tới 7,5 tỷ USD, tăng 49,7% so với cùng kỳ năm 2006. Ngoài ra, sau hơn 7 năm hoạt động, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có sự tăng trưởng vượt bậc. Tính đến hết năm 2006, tổng mức vốn hóa của thị trường chứng khoán đạt gần 300 nghìn tỷ đồng, và đóng góp 28,8% GDP của cả nước.[5]

Sự phát triển của ngành kinh tế Việt Nam đã góp phần thúc đẩy sản xuất, tạo điều kiện cho các ngân hàng thu hút được nguồn vốn lớn, tăng trưởng tín dụng.

[1] Theo tin tại trang http://www.vnn.vn ngày 20/01/2007
[2] Theo tin tại trang http://www.dddn.com.vn ngày 29/07/2007
[3] Theo tin tại trang http://www.vnep.org.vn tháng 6/2007
[4] Theo tin tại trang http://hapi.gov.vn ngày 15/02/2007
[5] Theo tin tại trang http://bsc.com.vn ngày 02/08/2007

Năm 2006 cũng đánh dấu một bước ngoặt trong tiến trình hội nhập khi Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

*** Sự phát triển của ngành:**

Trong những năm gần đây ngành công nghiệp sản xuất xi măng tại Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Mặc dù sản lượng sản xuất xi măng của nước ta có tăng trưởng, huy động ở mức cao nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng xi măng cho xây dựng phát triển như thực tế hiện nay. Sản lượng clinker của các lò nung trong nước đã huy động ở mức cao, song vẫn có sự thiếu hụt so với nhu cầu tiêu dùng xi măng trong nước. Trong giai đoạn hiện nay Nhà nước đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các dự án mới, mở rộng năng lực sản xuất của các nhà máy xi măng để chủ động kịp thời đảm bảo nhu cầu xi măng trong nước giai đoạn 2007 - 2010, hạn chế nguồn clinker nhập khẩu.

Với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt khoảng 7% - 7,5% trong giai đoạn 2001 - 2011, trong đó ngành công nghiệp - xây dựng tăng từ 10% - 11%, nhu cầu xi măng của thị trường Việt Nam giai đoạn 2007 - 2011 là rất lớn, dự kiến tốc độ tăng về nhu cầu sử dụng xi măng trung bình là 11%/năm.

Dự kiến nhu cầu thị trường và sản lượng xi măng ở Việt Nam năm 2007 - 2011[6]

CHỈ TIÊU	Đơn vị	2007	2008	2009	2010	2011
Nhu cầu xi măng	***Triệu tấn***	36,1	40,1	44,5	49,4	50
Tăng trưởng tiêu thụ xi măng	%/năm	11	11	11	11	12
Năng lực sản xuất trong nước	***Triệu tấn***	26,9	34,2	44,8	51,8	57,2
Thừa (+), thiếu (-)	***Triệu tấn***	-9,2	-5,8	0,4	2,4	7,2

Qua số liệu cung cầu xi măng trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2011 ở bảng trên, có thể thấy thị trường Xi măng trong nước trong thời gian tới còn rất tiềm năng.

6.1.2 Các nhân tố bên trong

- *Sau CPH, Công ty được VVMI bàn giao toàn bộ ranh giới mỏ đá và mỏ sét để quản lý và khai thác* phục vụ nhu cầu nguyên liệu sản xuất cho nhà máy. Với vị trí thuận lợi gần các khu nguyên liệu này, việc sản xuất của Công ty sẽ luôn được chủ động.
- *Cổ phần hóa tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút vốn và công nghệ, nâng cao tính minh bạch và độc lập trong hoạt động*: CPH sẽ giúp Công ty huy động được lượng vốn lớn từ các nhà đầu tư bên ngoài đồng thời tạo cơ hội tiếp cận được với các cổ đông chiến lược với kinh nghiệm quản lý cùng sản phẩm, công nghệ chuyên ngành mới.
- *Đội ngũ công nhân kỹ thuật giàu kinh nghiệm, lành nghề:* Đội ngũ công nhân kỹ thuật giỏi là thế mạnh của Công ty, đây là nguồn nội lực giúp Công ty đứng vững trong điều kiện môi trường kinh doanh cạnh tranh và hội nhập mạnh mẽ hiện nay.

[6] Quyết định số 108/2005/QĐ-TTg ngày 16/05/2005 của Chính phủ v/v phê duyệt quy hoạch phát triển ngành xi măng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020

- *Sự đoàn kết trong nội bộ công ty*: với sự đoàn kết cao trong nội bộ Công ty, tinh thần phát triển vì sự nghiệp chung của Ban lãnh đạo cũng như toàn thế cán bộ công nhân viên sẽ tạo nên sức mạnh để Công ty không ngừng phát triển.

6.2. Phương hướng sản xuất kinh doanh

Sau khi chuyển đổi, Công ty cổ phần tiếp tục kế thừa cơ sở vật chất, lao động, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI để mở rộng sản xuất kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn trên cơ sở những thuận lợi và các yếu tố tích cực do cổ phần hóa tạo ra. Hiện nay, công ty đang vận hành hai hệ thống dây chuyền sản xuất xi măng: lò đứng – công suất 400 nghìn tấn/năm (đã hết khấu hao) và lò quay – công suất 250 nghìn tấn/năm. Cuối năm 2007, Công ty sẽ bắt đầu thực hiện đầu tư thêm dây chuyền sản xuất lò quay mới với công suất trên 600 nghìn tấn/năm, dự kiến đến tháng 9/2009 sẽ đưa dây chuyền vào hoạt động. Chính vì vậy, trong các năm 2008, 2009 là thời gian xây dựng lò quay mới, Công ty sẽ thực hiện duy trì mức trả cổ tức tối thiểu 5%. Từ năm 2010 trở đi mức cổ tức sẽ tăng lên, tối thiểu là 8%.

Cụ thể, Công ty đưa ra các mục tiêu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Sản lượng sản xuất và tiêu thụ xi măng sau năm 2010 đạt trên 1.000.000 tấn/năm;
- Tiếp tục nâng cao thị phần ở các thị trường truyền thống (Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn) và mở rộng thị phần sang các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang là nơi có các khu công nghiệp, đầu tư nước ngoài đang rất phát triển.
- Phát triển thêm xưởng sản xuất các sản phẩm cơ khí, đúc phục vụ hệt thống nghiền.
- Đảm bảo tăng trưởng hàng năm về lợi nhuận trước thuế, thu nộp ngân sách;
- Cổ tức hàng năm trả cho cổ đông từ năm 2010 trở đi đạt từ 8% trở lên;
- Đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.

6.3. Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2008-2010

Các phương hướng chính của Công ty trong công tác đầu tư phát triển như sau:

- Mở rộng công suất Nhà máy xi măng La Hiên thêm 600.000 tấn/năm trong giai đoạn 2008-2010 và đưa công suất toàn nhà máy lên 1.050.000 tấn vào năm 2010. Sau năm 2015, đầu tư công suất Nhà máy xi măng lên 1.600.000 tấn/năm.
- Đầu tư xây dựng mỏ đá để đưa công suất lên 1.000.000 tấn/năm và mỏ sét lên 225.000 tấn/năm vào năm 2010.
- Đầu tư một số sản phẩm mới theo hướng hiệu quả kinh tế và ít tác động đến môi trường như: công nghệ vật liệu mới, sửa chữa và chế tạo các sản phẩm cơ khí.

6.4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu giai đoạn 2008-2010

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
		Giá trị	Giá trị	Giá trị
Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản	Tỷ đồng	209	297	250
- Dây chuyền trên 0,6 triệu tấn/năm	*Tỷ đồng*	*160*	*255*	*225*
- Mỏ đá, mỏ sét	*Tỷ đồng*	*24*	*22*	*10*
- Ô tô tiêu thụ xi măng	*Tỷ đồng*	*25*	*20*	*15*

Vốn điều lệ	Tỷ đồng	100	100	140
Sản lượng xi măng	Nghìn tấn	450	600	900
Doanh thu	Tỷ đồng	288	390	580
- Doanh thu sản xuất	*Tỷ đồng*	*270*	*360*	*540*
- Doanh thu khác	*Tỷ đồng*	*18*	*30*	*40*
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	15	24	35
Lợi tức trước thuế	Tỷ đồng	12,5	13	15
Lao động bình quân	người	933	1000	1100
Thu nhập bình quân/tháng	Triệu đồng	2,3	2,5	2,7
Cổ tức hàng năm	%	10	10	10

Nguồn: Phương án cổ phần hóa Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI

7. Biện pháp tổ chức thực hiện

Để đạt được các mục tiêu trong hoạt động sản xuất kinh doanh như trên, Công ty đề ra các biện pháp cụ thể như sau:

7.1. Về công tác quản lý và tổ chức kinh doanh

- *Kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ:* Trên cơ sở Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Công ty tiến hành kiện toàn bộ máy tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ, gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc điều hành, các phòng ban chức năng và các phân xưởng trực thuộc. Phân xưởng là đơn vị trực tiếp sản xuất kinh doanh hạch toán báo sổ Công ty.
- *Tiến hành xây dựng các văn bản quản lý nội bộ*, như: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế tài chính, Quy chế quản lý nhân sự, Quy chế quản lý tiền lương, Quy chế tiền lương, Quy chế đầu tư và xây dựng, Nội quy lao động, Quy chế khoán sản xuất kinh doanh, Quy chế thi đua khen thưởng và các quy định khác,...
- *Tăng cường sự phối hợp giữa các bộ phận trong công ty*: để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Công ty được nhịp nhàng, hiệu quả.

7.2. Về chính sách nhân lực

Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên được hình thành trên cơ sở nguồn nhân lực và cở sở vật chất của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI nhà máy xi măng La Hiên – VVMI.

- *Về số lượng lao động:* Với số lao động hiện có Công ty sẽ nghiên cứu bố trí sử dụng hợp lý. Toàn bộ số lao động (993 người) hiện đang làm việc tại Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI nhà máy xi măng La Hiên – VVMI sẽ được chuyển sang làm việc tại Công ty, trong đó:
  + Số lao động làm việc tại văn phòng Công ty : 95 người
  + Số lao động làm việc tại các phân xưởng sản xuất : 838 người
- *Về chất lượng lao động:* Công ty tiếp tục phát huy và và đổi mới công tác tổ chức quản lý nhân sự tập trung ở các khâu tuyển dụng, đào tạo, đào tạo lại để tổ chức bộ máy quản lý của Công ty tinh gọn và hiệu quả; nâng cao công tác điều hành quản lý nhằm phát huy tối đa nguồn nhân lực của Công ty, tập trung cho công tác sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Công ty chú trọng đến việc bồi dưỡng đào tạo phát triển nguồn nhân lực có chất lượng và áp dụng chính sách đãi ngộ xứng đáng với công sức đóng góp của từng cá nhân, đặc biệt ưu đãi đối với những lao động có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao,

cá nhân có ảnh hưởng trực tiếp đến sự tăng năng xuất, tăng chất lượng và tính hiệu quả trong lĩnh vực mà người đó là thành viên hoặc tham gia quản lý. Cụ thể như sau:

+ Chính sách tuyển dụng: Công ty tuyển dụng lao động kỹ thuật có tuổi đời dưới 35 tuổi, có bằng nghề, bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng loại giỏi phù hợp với nghề nghiệp Công ty cần sử dụng, có đủ sức khoẻ và nhiệt tình để hoàn thành công việc. Một số quyền lợi mà người lao động sẽ được hưởng bao gồm:
    - √ Sau một năm làm việc thì 03 tháng xem xét điều chỉnh tiền lương một lần. (Nếu là công nhân thì hưởng theo sản phẩm làm ra).
    - √ Sau một năm làm việc tại Công ty nếu người lao động có khả năng nổi bật về công tác kỹ thuật và quản lý kỹ thuật thì có thể được xem xét đề bạt giữ các chức danh quản lý đến trưởng ca (Đốc công) sản xuất hoặc tăng mức thu nhập tiền lương tương đương với chức danh trên.
    - √ Sau 02 năm làm việc như trên có thể xem xét đề bạt giữ chức danh quản lý đến phó phòng, phó quản đốc hoặc tăng mức thu nhập tiền lương tương đương chức danh trên.
    - √ Sau 03 năm làm việc như trên có thể xem xét đề bạt giữ chức danh quản lý đến trưởng phòng hoặc quản đốc hoặc tăng mức thu nhập tiền lương tương đương chức danh trên.
+ Ưu đãi đào tạo:
    - √ Công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo hoặc đài thọ 100% kinh phí đào tạo để người lao động nâng cao tay nghề hoặc trình độ chuyên môn nghiệp cụ về phục vụ cho Công ty.
    - √ Được cử tuyển đi học bồi dưỡng nâng cao trình độ trong và ngoài nước theo chính sách chung của Tập đoàn Công nghiệp Than - khoáng sản Việt nam TKV.
    - √ Công ty áp dụng khen thưởng đột xuất và khen thưởng kế hoạch và đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua do nhà nước quy định đối với những cá nhân có đóng góp suất sắc.

7.3. Về các dự án đầu tư nâng cao khả năng cung cấp nguyên vật liệu và mở rộng công suất nhà máy

a. <u>Dự án đầu tư mở rộng nâng cao công suất Nhà máy xi măng La Hiên – VVMI lên trên 600 nghìn tấn xi măng/năm</u>

Đây là dự án đầu tư xây dựng mới 01 dây chuyền sản xuất xi măng công suất trên 1.600 nghìn tấn clinker/ngày đồng bộ từ khâu tiếp nhận, dập, vận chuyển, đồng nhất sơ bộ nguyên liệu đến sản xuất clinker, nghiền xi măng, đóng bao và sản xuất sản phẩm.

** Công suất, sản phẩm của dự án:*

- Công suất lò nung : trên 1.600 tấn clinker/ngày
- Sản lượng clinker : trên 480.000 tấn/năm
- Sản lượng xi măng : trên 600.000 tấn/năm, trong đó
    + Xi măng PCB 30 chiếm khoảng 70% theo TCVN 6260-1997
    + Xi măng PCB 40 chiếm khoảng 30% theo TCVN 6260-1997
- Dạng sản phẩm: xi măng đóng bao và xi măng rời

* *Giải pháp công nghệ:* công nghệ xi măng lò quay tiên tiến, sản xuất theo phương pháp khô. Khái quát công nghệ sản xuất như sau:

Nguyên liệu chính tùy thuộc vào kích thước ban đầu được đập tới cỡ hạt hợp lý và được đồng nhất sơ bộ trong kho chứa. Nguyên liệu trong kho được đưa vào nghiền phối liệu và được đồng nhất bột liệu. Nung luyện clinker được thực hiện trong lò quay với tháp trao đổi nhiệt 1 nhánh, 5 tầng cyclon sấy với buồng phân hủy sơ bộ CO_2 đầu lò và thiết bị làm nguội clinker kiểu ghi. Nghiền xi măng được thực hiện trong hệ thống chu trình kín với máy nghiền bi, sử dụng lọc bụi túi để lọc bụi trong khí thải. Sử dụng máy đóng bao 8 vòi kiểu quay với hệ thống cân điện tử tự động.

* *Địa điểm xây dựng:* song song với dây chuyền lò quay công suất 250 nghìn tấn/năm của Nhà máy. Diện tích mặt bằng nhà máy hiện có đủ để bố trí các hạng mục công trình mà không phải xin cấp thêm, đền bù giải phóng mặt bằng, rút ngắn được thời gian xây dựng. Đồng thời, Công ty không phải đầu tư thêm các hạng mục công trình hành chính, phụ trợ, chi phí đầu tư hạ tầng kỹ thuật thấp.

* *Tổng mức đầu tư dự kiến*		*: 617 tỷ đồng*
Trong đó:	- Xây dựng	: 164 tỷ đồng
	- Thiết bị	: 341 tỷ đồng
	- Chi phí quản lý dự án và chi phí khác	: 25 tỷ đồng
	- Dự phòng	: 26 tỷ đồng
	- Lãi vay trong thời kỳ xây dựng	: 51 tỷ đồng
	- Vốn lưu động	: 10 tỷ đồng

* *Thời gian thực hiện dự án:* năm 2007 – 2009

* *Tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR):* 19,2%

b. <u>Dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi Đồng Chuỗng (xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên)</u>

Đây là dự án đầu tư mới, xây dựng công trình Mỏ đá vôi Đồng Chuỗng nhằm đảm bảo cung cấp ổn định đá vôi cho nhà máy xi măng La Hiên.

* *Quy mô, công suất:* công suất thiết kế 1.000.000 tấn/năm (theo đá nguyên khai). Tuổi thọ của mỏ là 37 năm.

* *Các giải pháp công nghệ:*

- Công nghệ khai thác đá lộ thiên
- Hệ thống khai thác: hệ thống khai thác khấu theo lớp đứng, xúc chuyển bằng máy gạt, vận tải bằng ô tô.
- Độ cao đáy mỏ kết thúc: mức + 100m
- Tổng trữ lượng đá trong biên giới khai trường (huy động và khai thác):
  + Trữ lượng đá (đã trừ hang động): 34.553 nghìn tấn
  + Trữ lượng đá thương phẩm: 31.098 nghìn tấn

* *Tổng mức đầu tư*		*: 47 tỷ đồng*
Trong đó:	- Chi phí xây lắp	: 8,5 tỷ đồng
	- Chi phí thiết bị	: 26 tỷ đồng
	- Chi phí quản lý dự án và chi phí khác	: 3 tỷ đồng
	- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	: 6 tỷ đồng
	- Chi phí dự phòng	: 1,8 tỷ đồng

- Vốn lưu động (đầu tư mới) : 1,7 tỷ đồng

* *Địa điểm xây dựng:* mỏ đá vôi Đồng Chuỗng, xã Quang Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Mỏ đá vôi cách nhà máy Xi măng La Hiên 6,8 km trong đó có 1,8 km là đường quốc lộ 1B.

* *Thời gian thực hiện dự án:* năm 2007 - 2009

* *Tỷ suất sinh lời nội bộ (IRR):* 14,5%

7.4. Về việc huy động vốn cho sản xuất kinh doanh

Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho giai đoạn 2008-2010 là : 732 tỷ đồng

Trong đó:

- Đầu tư dây chuyền sản xuất xi măng lò quay công suất 600.000 tấn/năm : 617 tỷ đồng
- Đầu tư xây dựng mỏ đá để đưa công suất lên 1.000.000 tấn/năm : 47 tỷ đồng
- Đầu tư xây dựng mỏ sét lên 225.000 tấn/năm : 8 tỷ đồng
- Đầu tư trang bị ô tô vận tải tiêu thụ xi măng : 60 tỷ đồng

Với quy mô sản xuất kinh doanh từ nay đến năm 2010, Công ty chỉ chủ yếu huy động vốn kinh doanh thông qua chào bán cổ phần lần đầu cho các cổ đông bên ngoài (bán cho CBCNV và bán đấu giá) với trị giá 49 tỷ đồng, tương ứng với 49% vốn điều lệ.

Trong quá trình phát triển, để đảm bảo đủ vốn đầu tư cho các dự án và vốn kinh doanh, ngoài huy động thông qua phát hành cổ phiếu, Công ty còn có thể sử dụng các hình thức huy động vốn khác như: phát hành trái phiếu, thuê mua tài chính, mua thiết bị trả chậm, vay các tổ chức tín dụng, vay CBCNV,...

8. Rủi ro của đợt phát hành

8.1. Rủi ro kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến việc gia tăng sử dụng xi măng trong ngành công nghiệp - xây dựng. Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng..., do vậy Công ty sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi những rủi ro kinh tế vì doanh thu của Công ty sẽ phụ thuộc vào tốc độ xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên cũng như các tỉnh phụ cận.

Những năm trở lại đây, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định: năm 2003 là 7,23%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 là 8,4% và năm 2006 đạt 8,2%. Theo bản báo cáo cập nhật tình hình phát triển kinh tế của Việt Nam của WB công bố tại Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam ngày 29/05/2007 tăng trưởng theo chuẩn quốc tế tại Việt Nam rất tốt. So sánh với các nước châu Á khác, tăng trưởng của Việt Nam cũng rất tốt, thậm chí còn tốt hơn so với Ấn Độ, một nền kinh tế mạnh trong khu vực và thế giới. Dự báo về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2007, WB cho rằng sẽ tiếp tục ở ngưỡng 8-8.5%[7]. Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế có ảnh hưởng tốt đến sự phát triển của ngành. Do vậy, có thể thấy rủi ro biến động của nền kinh tế với đợt chào bán cổ phần của Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI nhà máy xi măng La Hiên là rất thấp.

[7] Theo http://bsc.com.vn ngày 30/05/2007

8.2. Rủi ro về luật pháp, chính sách

Là Nhà máy xi măng La Hiên- VVMI của doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng La Hiên chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về cổ phần hóa, Luật chứng khoán và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

8.3. Rủi ro về chi phí sản xuất

Trong những năm tới, giá than, điện, thạch cao với và cước phí vận tải đều có xu hướng tăng. Những bất lợi về chi phí sản xuất sẽ gây ảnh hưởng lớn đến khả năng sản xuất và sẽ làm giảm lợi nhuận của công ty. Tuy nhiên trong các năm qua, với việc xây dựng được kênh cung cấp nguyên vật liệu ổn định và có nhiều bạn hàng lâu năm nên rủi ro về biến động nguồn nguyên liệu sẽ không tác động nhiều đến Công ty cổ phần trong những năm tới.

8.4. Rủi ro thị trường

Hiện nay, đầu tư vào ngành xi măng tương đối lớn, sắp tới các nhà đầu tư nước ngoài cũng tham gia vào thị trường xi măng. Trong toàn quốc hiện có 14 nhà máy xi măng lò quay, 21 dự án xi măng lò đứng đang và sẽ thực hiện chuyển đổi công nghệ sang lò quay, một số trạm nghiền độc lập. Ngoài ra, trong thời gian tới, sản lượng còn tiếp tục tăng do đang triển khai xây dựng 31 dự án xi măng lò quay với sự tham gia của nhiều chủ đầu tư thuộc các thành phần kinh tế khác nhau và các dự án được phân bổ ở nhiều vùng trên cả nước. Theo dự đoán của Hiệp hội Xi măng Việt Nam, đến năm 2010-2012, sản lượng xi măng trong nước sẽ đạt trên 60 triệu tấn. Năm 2010, Việt Nam sẽ trở thành nước có công suất và sản lượng xi măng lớn nhất trong các khối ASEAN. Do đó, Công ty sẽ chịu sự cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp đang hoạt động cũng như các doanh nghiệp sắp tới sẽ đầu tư. Trong đó có các doanh nghiệp có tiềm lực mạnh về vốn, dây chuyền công nghệ hiện đại, khấu hao hết đã liên tục giảm giá bán sản phẩm, áp dụng các chính sách quảng cáo khuyến mại lớn kéo dài. Mặt khác, mẫu mã sản phẩm của các doanh nghiệp trên thị trường cũng rất phong phú, đa dạng. Công ty sẽ phải đối mặt trực tiếp với sự cạnh tranh gay gắt về giá cả và mẫu mã sản phẩm. Tuy nhiên với kinh nghiệm và khả năng về thị trường cũng như các tiềm lực sẵn có cộng với một vị trí địa lý hết sức thuận lợi trong vùng thị trường có tốc độ đầu tư hạ tầng cao công ty sẽ duy trì được sản lượng bán hàng, sản lượng sản xuất và giá bán trên thị trường truyền thống của mình.

8.5. Rủi ro cạnh tranh và hội nhập

Mặc dù sau CPH, Công ty vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh truyền thống là sản xuất xi măng và vật liệu xây dựng, tiến hành đầu tư cải tiến thiết bị, công nghệ sản xuất, đầu tư cải tạo mở rộng thay thế hai dây chuyền sản xuất xi măng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tuy nhiên sản phẩm của Công ty cũng sẽ phải đối mặt với áp lực cạnh tranh khá lớn từ các nhà sản xuất có tên tuổi trong cùng ngành nghề như Xi măng Bỉm Sơn, Xi măng Nghi Sơn, Xi măng Hoàng Thạch, Xi măng Hà Tiên,... Tuy nhiên với bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm cùng với chiến lược đầu tư phát triển sản xuất có trọng điểm, do vậy rủi ro này có thể cũng chỉ ảnh hưởng có mức độ đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh áp lực về cạnh tranh, Công ty còn có những rủi ro trong quá trình hội nhập thương mại quốc tế. Với việc gia nhập AFTA, WTO, chính phủ Việt Nam sẽ chịu áp lực buộc phải gỡ bỏ hàng rào bảo hộ (thuế quan và phi thuế quan) đối với phần lớn các ngành hiện đang nhận được sự

bảo hộ của nhà nước, trong đó có ngành sản xuất xi măng (từ năm 2006 thuế nhập khẩu xi măng từ các nước trong khu vực sẽ giảm xuống còn không quá 5%). Đặc biệt, ngành sản xuất xi măng tại khu vực ASEAN hiện nay đang ở trong tình trạng cung lớn hơn cầu; chính phủ một số nước có chính sách thúc đẩy xuất khẩu xi măng nên giá xuất khẩu của Indonesia và Thailand thấp hơn giá bán trong nước và thậm chí thấp hơn giá thành sản xuất tại Việt Nam. Vì vậy, các công ty xi măng không thể không chịu ảnh hưởng và có khả năng phải thu hẹp sản xuất.

8.6. Rủi ro khác

Những rủi ro đó có thể xuất phát từ phía thiên nhiên (lũ lụt, hạn hán…), rủi ro, tai nạn (cháy, nổ,…). Đây là các rủi ro do biến cố bất ngờ, bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của tổ chức phát hành, ảnh hưởng mang tính khu vực, ngành nghề và bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể gặp phải. Song các rủi ro này rất hiếm khi xảy ra.

VIII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I** **:** Báo cáo tài chính quý II/2007
2. **Phụ lục II** **:** Báo cáo tài chính năm 2006
3. **Phụ lục III** **:** Báo cáo tài chính năm 2005
4. **Phụ lục IV** **:** Báo cáo tài chính năm 2004

Hà Nội, ngày tháng năm 2007

ĐẠI DIỆN **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM** PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	ĐẠI DIỆN **BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA NHÀ MÁY XI MĂNG LA HIÊN - VVMI** CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC - TKV
NGUYỄN ĐỨC HIẾU	**NGUYỄN VĂN QUẾ**